

Số: 07 /QĐ-HC

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước  
năm 2024 của Cục Hóa chất**

**CỤC TRƯỞNG CỤC HOÁ CHẤT**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 3415/QĐ-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của Cục Hóa chất;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Cục.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Cục Hóa chất (*Chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Cục, Kế toán trưởng và Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP (thanhnt).

**CỤC TRƯỞNG**



**Phùng Mạnh Ngọc**



**PHỤ LỤC**  
**Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Cục Hóa chất**

(Kèm theo Quyết định số: 04 <sup>X.Y</sup> QĐ-HC  
ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Cục trưởng Cục Hóa chất)

| STT       | Nội dung                                           | Dự toán được giao (Triệu đồng) |
|-----------|----------------------------------------------------|--------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> | <b>2.160</b>                   |
| 1         | Số thu phí, lệ phí                                 | 2.160                          |
| 2         | Số phí, lệ phí nộp NSNN                            | 216                            |
| 3         | Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại           | 1.944                          |
| <b>II</b> | <b>Số giao dự toán ngân sách năm 2024</b>          | <b>13.054</b>                  |
|           | Kinh phí thực hiện tự chủ                          | 6.554                          |
|           | Kinh phí thực hiện không tự chủ                    | 6.500                          |
|           | Kinh phí nghiên cứu KHCN                           | 0                              |
|           | <b>Chi tiết các sự nghiệp</b>                      |                                |
| <b>1</b>  | <b>Kinh phí Quản lý nhà nước</b>                   | <b>9.675</b>                   |
|           | Kinh phí thực hiện tự chủ (1a)                     | 6.075                          |
|           | Kinh phí thực hiện không tự chủ (1b)               | 3.600                          |
| <b>2</b>  | <b>Sự nghiệp kinh tế</b>                           | <b>3.379</b>                   |
|           | Kinh phí thực hiện tự chủ (2a)                     | 479                            |
|           | Kinh phí thực hiện không tự chủ (2b)               | 2.900                          |

**Ghi chú:**

|      |                                                                                                                                                        |              |       |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------|
| (1a) | Trong phạm vi dự toán được giao, đơn vị chủ động sắp xếp, bố trí kinh phí để thực hiện mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng cho cả năm 2024            | Loại 340-341 | 6.075 |
| (1b) | Kinh phí không tự chủ, bao gồm: Đoàn ra, Đoàn vào, Niên liễm, Hội nghị, Hội thảo trong nước và kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn ...          | Loại 340-341 | 3.600 |
| (2a) | Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                                                                              | Loại 280-338 | 479   |
| 1    | Trung tâm Ứng phó sự cố và An toàn hóa chất                                                                                                            |              | 479   |
| (2b) | Bao gồm                                                                                                                                                |              | 2.900 |
| 1    | Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, đề án                                                                                                                 | Loại 280-321 | 2.300 |
| (1)  | Đề án cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia                                                                                                                  |              | 500   |
| (2)  | Đề án kế hoạch hành động quốc gia về phòng ngừa, phát hiện và chuẩn bị ứng phó nguy cơ, sự cố hóa học, sinh học và bức xạ hạt nhân giai đoạn 2019-2025 |              | 1.200 |
| (3)  | Đề án truyền thông về lĩnh vực hóa chất                                                                                                                |              | 600   |
| (4)  | Trung tâm Ứng phó sự cố và An toàn hóa chất                                                                                                            | Loại 280-338 | 600   |